

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ 1 ĐỊA LÝ 9 NĂM 2022 - 2023

I. LÝ THUYẾT

Bài 7: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP

Câu 1/ Phân tích những thuận lợi và khó khăn của tài nguyên thiên nhiên đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp ở nước ta?

Tài nguyên đất

- Tài nguyên đất khá đa dạng, hai nhóm đất chiếm diện tích lớn nhất là đất phù sa và đất feralit
- Diện tích đất nông nghiệp là hơn 9 triệu ha

Tài nguyên khí hậu

- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa ẩm nguồn nhiệt ẩm phong phú
- Sự phân hóa khí hậu theo chiều Bắc-Nam, theo mùa và theo độ cao cho phép trồng được cả cây cận nhiệt và ôn đới bên cạnh cây nhiệt đới
- Các thiên tai: bão, gió Tây khô nóng, sương muối, rét hại, sâu bệnh phát triển nhanh trong điều kiện khí hậu nóng ẩm....

Tài nguyên nước

- Mạng lưới sông ngòi dày đặc có nhiều giá trị về tưới nước và thủy lợi. Nguồn nước ngầm khá dồi dào là nguồn nước tưới quan trọng trong mùa khô
- Khó khăn: về mùa mưa thường có lũ lụt gây thiệt hại lớn, về mùa khô lại thường bị cạn kiệt thiếu nước tưới

Tài nguyên sinh vật

- Tài nguyên động thực vật phong phú, là cơ sở để thuần dưỡng, tạo nên các giống cây trồng vật nuôi có chất lượng tốt

Bài 8: SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ NÔNG NGHIỆP

Câu 6: Trình bày về tình hình sản xuất cây lương thực ở nước ta?

- Cây lương thực: cây lúa và các cây hoa màu (ngô, khoai, sắn). Lúa là cây lương thực chính, không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn để xuất khẩu
- Hiện trạng: Sản xuất lúa đã đạt được nhiều thành tựu to lớn: diện tích, năng suất, sản lượng lúa, sản lượng lúa bình quân đầu người liên tục tăng. Cơ cấu mùa vụ đa dạng.
- Phân bố: Hai vùng trọng điểm lúa lớn nhất là Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 7: Trình bày về tình hình sản xuất cây công nghiệp ở nước ta?

- Nước ta có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển cây công nghiệp, nhất là các cây công nghiệp lâu năm
- Các cây công nghiệp chủ yếu ở nước ta:
 - + Các cây công nghiệp hàng năm: lạc, đậu tương, mía, bông, dâu tằm, thuốc lá....
 - + Các cây công nghiệp lâu năm: cà phê, cao su, hồ tiêu, điều, dừa chè...
- Phân bố

- + Các cây công nghiệp lâu năm phân bố chủ yếu ở trung du và miền núi
 - + Các cây công nghiệp hàng năm phân bố chủ yếu ở đồng bằng
 - Hai vùng trọng điểm về cây công nghiệp ở nước ta là Đông Nam Bộ và Tây Nguyên
- c. Cây ăn quả
- Có nhiều loại quả, trong đó có nhiều loại có giá trị
 - + Các vùng trồng cây ăn quả lớn nhất là Đồng bằng sông Cửu Long và Đông Nam Bộ

Bài 9: SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ LÂM NGHIỆP THỦY SẢN

Câu 10: trình bày về sự phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp của nước ta?

- Khai thác gỗ và chế biến lâm sản: Gỗ chỉ được khai thác ở khu vực rừng sản xuất, mỗi năm nước ta khai thác khoảng 2,5 triệu m³ gỗ. Cả nước có hơn 400 nhà máy cưa xẻ và vài nghìn xưởng xẻ gỗ thủ công
- Trồng rừng: Hàng năm cả nước trồng trên dưới 200 nghìn ha rừng tập trung. Tuy nhiên, mỗi năm vẫn có hàng nghìn ha rừng bị chặt phá và bị cháy, đặc biệt là ở Tây Nguyên. Mô hình nông lâm kết hợp được phát triển, góp phần bảo vệ rừng và nâng cao đời sống nhân dân.

Câu 12: Trình bày về sự phát triển và phân bố ngành thủy sản của nước ta?

- Hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản đang được đẩy mạnh. Nghề cá ở các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ phát triển mạnh
- Khai thác hải sản
- + Sản lượng tăng khá nhanh, chủ yếu do tăng số lượng tàu thuyền và tăng công suất tàu
- + Các tỉnh dẫn đầu về sản lượng khai thác là Kiên Giang, Cà Mau, Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Thuận
- Nuôi trồng thủy sản
- + Gần đây phát triển nhanh đặc biệt là nuôi tôm cá
- + Các tỉnh có sản lượng nuôi trồng lớn nhất là Cà Mau, An Giang, Bến Tre
- + Xuất khẩu thủy sản có những bước phát triển vượt bậc
- Cơ cấu: Hiện nay sản lượng thủy sản khai thác vẫn chiếm tỉ trọng lớn hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng nhưng sản lượng thủy sản nuôi trồng có tốc độ tăng trưởng nhanh hơn.

BÀI 11: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

Câu 13: Trình bày các nhân tố tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp ở nước ta.

Gợi ý trả lời:

- Tài nguyên thiên nhiên đa dạng, tạo cơ sở để phát triển cơ cấu công nghiệp đa ngành.
- Khoáng sản phong phú, nguồn thủy năng có trữ lượng lớn, nguồn tài nguyên đất, nước, khí hậu, sinh vật thuận lợi cho sự phát triển nông nghiệp để cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.
- Các nguồn tài nguyên có trữ lượng lớn là cơ sở để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm.
- Sự phân bố tài nguyên trên lãnh thổ tạo các thế mạnh khác nhau của các vùng.

Câu 14: Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam (trang Công nghiệp), hãy kể tên các trung tâm công nghiệp với qui mô theo bảng sau:

Gợi ý trả lời:

Qui mô (nghìn tỷ đồng)	Tên trung tâm công nghiệp
> 120	Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh
> 40 - 120	Hải Phòng, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Vũng Tàu

BÀI 12: SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

Câu 15: Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế nước ta (đơn vị: %)

Thành phần kinh tế	1999	2008
Nhà nước	39,9	18,5
Ngoài Nhà nước	22,0	37,1
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	38,1	44,4

Nêu nhận xét sự thay đổi cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế nước ta và giải thích nguyên nhân.

Gợi ý trả lời:

* Nhận xét:

Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế nước ta từ năm 1999 đến năm 2008 có sự thay đổi:

- Tỷ trọng sản xuất công nghiệp thành phần kinh tế Nhà nước giảm và thấp nhất vào năm 2008.
- Tỷ trọng sản xuất công nghiệp thành phần kinh tế ngoài Nhà nước tăng nhiều.
- Tỷ trọng sản xuất công nghiệp thành phần kinh tế ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng và chiếm cao nhất năm 2008.

* Giải thích:

- Do chính sách của Nhà nước khuyến khích phát triển nhiều thành phần kinh tế, nhất là thành phần ngoài Nhà nước.
- Nhà nước thực hiện chính sách mở cửa thu hút đầu tư nước ngoài.

Câu 17: Dựa vào Atlas Địa lý Việt Nam (trang Các hệ thống sông, Công nghiệp năng lượng), hãy hoàn thành bảng sau:

Tên nhà máy thủy điện (đã, đang xây dựng)	Nằm trên hệ thống sông
Hòa Bình, Sơn La	Sông Đà

Thác Bà, Nậm Mu	Sông Chảy
Tuyên Quang	Sông Gâm
Yaly, Xê Xan 3, Xê Xan 3A	Sông Xê Xan
Đrây - Hling, Xrê pôk 3, Xrê pôk 4	Sông Xrê Pôk
Trị An	Sông Đồng Nai

II. BÀI TẬP

Bài tập 1

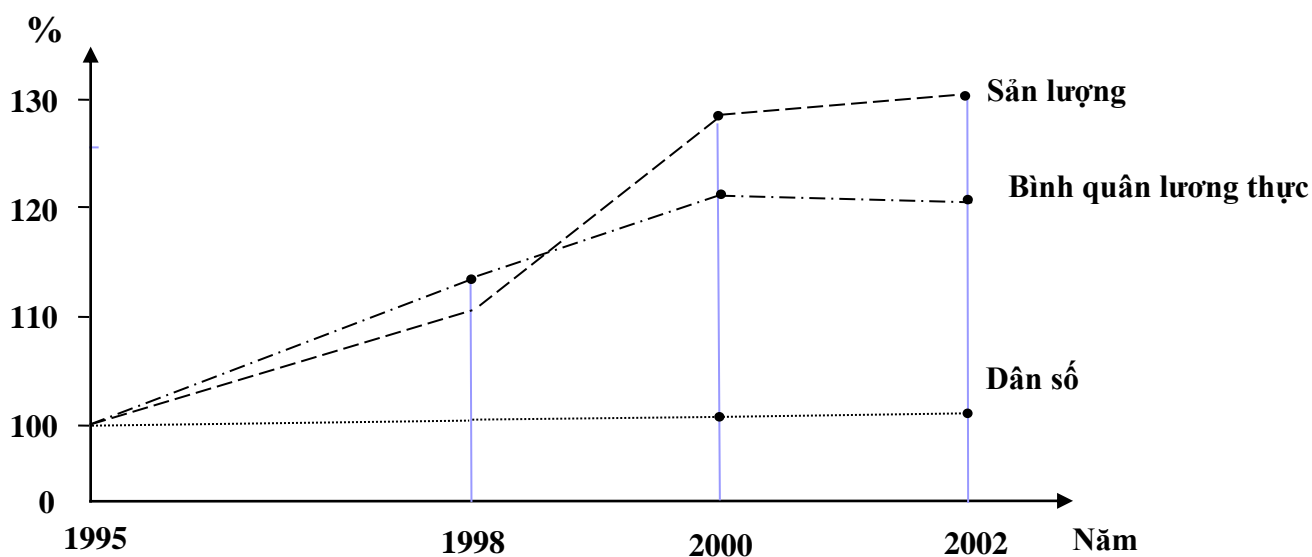
Dựa vào bảng sau, vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người ở đồng bằng Sông Hồng qua các năm 1995 - 2002. Đơn vị (%)

Tiêu chí	Năm	1995	1998	2000	2002
Dân số		100,0	103,5	105,6	108,2
Sản lượng lương thực		100,0	111,7	128,6	131,1
Bình quân lương thực theo đầu người		100,0	113,8	121,8	121,2

Các bước tiến hành:

- Kẻ hệ trục tọa độ vuông góc. Trục tung thể hiện %, trục hoành thể hiện thời gian (năm).
- Xác định tỉ lệ thích hợp như: Tỉ lệ % và khoảng cách giữa các năm. Kẻ đóng các đường thẳng song song với trục tung và xác định các điểm mốc và nối với nhau bằng một đường thẳng để hình thành đường biểu diễn.

Biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng dân số, sản lượng lương thực và bình quân lương thực theo đầu người ở đồng bằng Sông Hồng qua các năm 1995 – 2002



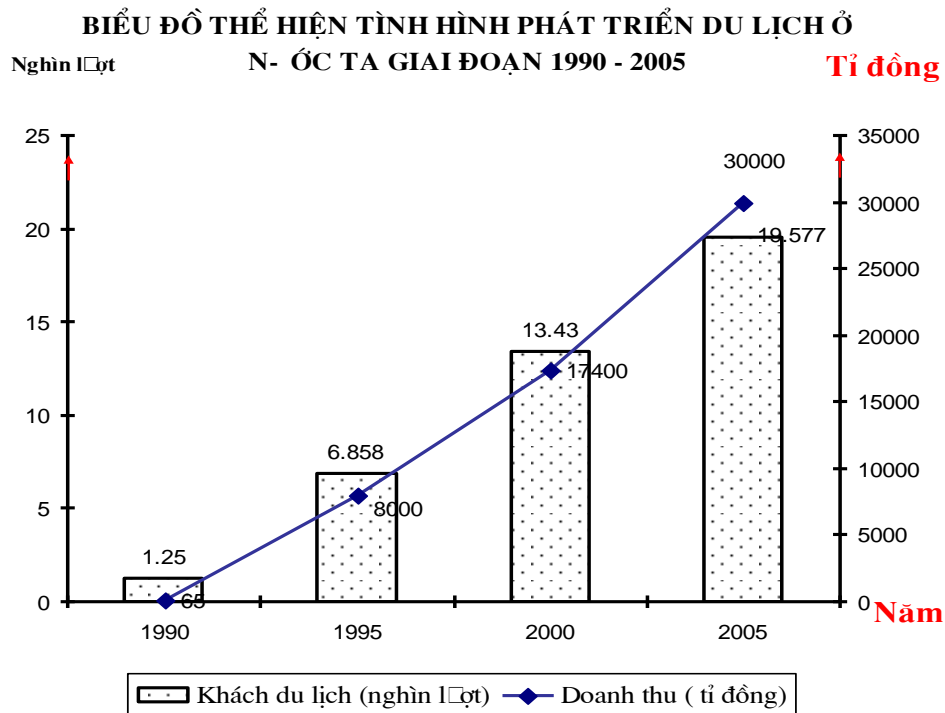
Bài tập 2

Cho BSL sau: Tình hình phát triển du lịch Việt Nam giai đoạn 1990 – 2005

Năm	Khách du lịch (nghìn lượt)	Doanh thu (tỉ đồng)
1990	1.250	65
1995	6.858	8.000
2000	13.430	17.400
2005	19.577	30.000

Vẽ biểu đồ kết hợp thể hiện tình hình phát triển du lịch giai đoạn 1990 - 2005?

Vẽ biểu đồ:



Bài tập 3: Cho bảng số liệu:

Sản lượng điện nước ta giai đoạn 1990 – 2006

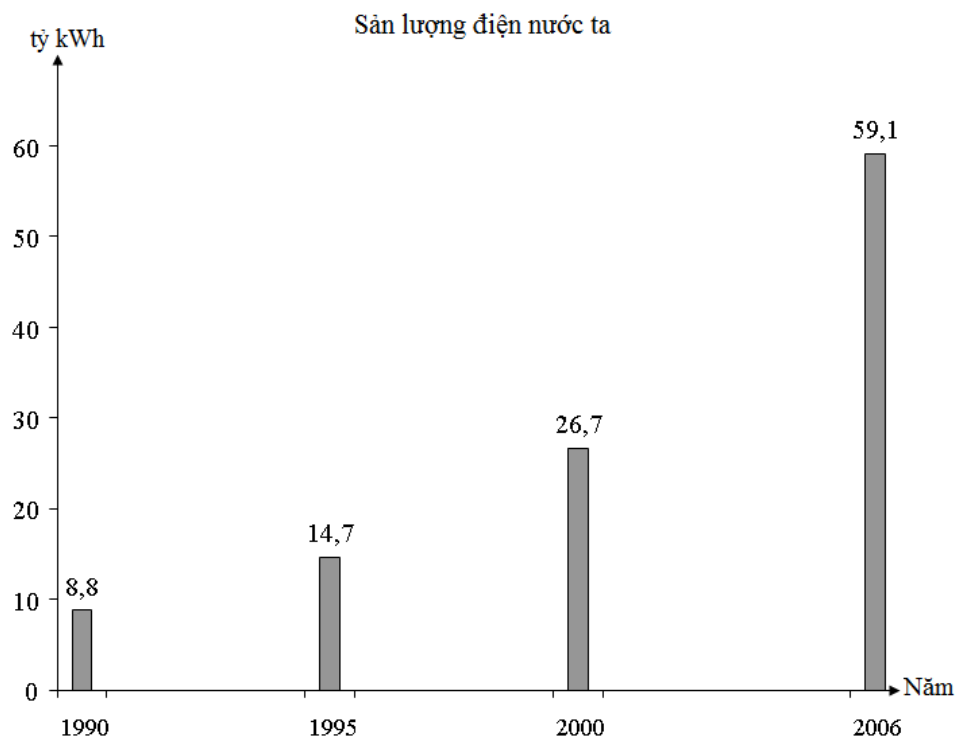
Năm	1990	1995	2000	2006
Sản lượng điện (tỷ kWh)	8,8	14,7	26,7	59,1

a) Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện sản lượng điện nước ta giai đoạn 1990 – 2006.

b) Nhận xét sự thay đổi sản lượng điện nước ta trong thời gian trên.

Gợi ý trả lời:

a) Vẽ biểu đồ hình cột:



b) Nhận xét:

- Sản lượng điện nước ta liên tục tăng (dẫn chứng).
- Giai đoạn tăng nhanh nhất từ năm 2000 đến năm 2006 (dẫn chứng).